

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
(Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025)

I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH KINH TẾ, XÃ HỘI

1. Điều hành phát triển kinh tế - xã hội và xử lý các vấn đề phát sinh

Năm 2025 là năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, vừa là năm cuối thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025, vừa là năm triển khai nhiều chủ trương, quyết sách mang tính cách mạng, lịch sử, nổi bật trong đó là thực hiện 03 đột phá chiến lược cùng các Nghị quyết của Trung ương. Song song đó, tập trung hoàn thành việc sắp xếp, tổ chức bộ máy, xây dựng chính quyền địa phương 2 cấp và hợp nhất tỉnh Bạc Liêu - Cà Mau, mở rộng không gian phát triển, tạo thêm nhiều nguồn lực mới.

Thực hiện Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 05/8/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Cà Mau năm 2025, theo đó, đặt mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2025 đạt 8%, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 014/KH-UBND ngày 21/7/2025 và Quyết định số 0663/QĐ- UBND ngày 16/8/2025 đề ra phương hướng, nhiệm vụ và giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025, chỉ đạo các ngành, các cấp, địa phương tập trung triển khai hiệu quả các nhiệm vụ theo kế hoạch, chỉ tiêu được giao trên các ngành, lĩnh vực. Với sự chỉ đạo sâu sát, quyết liệt, khẩn trương của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, sự giám sát chặt chẽ của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và sự quyết tâm, nỗ lực của các cấp, các ngành, doanh nghiệp và người dân, tình hình phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Cà Mau năm 2025 đạt nhiều kết quả tích cực.

2. Kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025

Kết quả thực hiện Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 05/8/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Cà Mau năm 2025 và Quyết định số 0663/QĐ- UBND ngày 16/8/2025 đề ra phương hướng, nhiệm vụ và giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025:

a. Những chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch

Tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh năm 2025 ước đạt 8% so cùng kỳ;

Tổng vốn đầu tư xã hội đạt khoảng 72.000 tỷ đồng đạt 100% kế hoạch (72.000 tỷ đồng);

Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo 0,09% (kế hoạch 0,09%);

Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 65% (kế hoạch 65%).

Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội tăng 7,38% (kế hoạch tăng 6% -7%)

Giải quyết việc làm 62.000 người bằng 105,08% kế hoạch (59.000 người)

Số giường bệnh/ vạn dân 30 giường, bằng kế hoạch đề ra.

Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 95% (kế hoạch 95%).

Có 43/55 xã đạt chuẩn nông thôn mới, đạt 78,2%; có 03/43 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt 7%; có 01/3 xã (xã Vĩnh Thanh) đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu chiếm 33,3% trong tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

Sản lượng điện sản xuất 8.223 triệu KWh (kế hoạch 8.213 triệu KWh).

Sản lượng khí hóa lỏng 140.000 tấn (kế hoạch 140.000 tấn).

b. Những chỉ tiêu chưa đạt so kế hoạch:

Tỷ lệ đô thị hóa 35% (kế hoạch 40%);

Tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh 96% (kế hoạch 98%);

Tỷ lệ rác thải đô thị và khu, cụm công nghiệp được thu, gom xử lý đạt 90% (kế hoạch 95%);

Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý 96% (kế hoạch 100%);

(Nguồn dữ liệu: Báo cáo số 0383/BC-UBND ngày 30/11/2025 của UBND tỉnh Cà Mau)

II. TỔNG QUAN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

1. Căn cứ tổng hợp Báo cáo tài chính nhà nước

BCTCNN tỉnh Cà Mau được tổng hợp dựa trên các căn cứ pháp lý và chế độ kế toán sau:

- + Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015;
- + Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025;
- + Nghị định số 140/2026/NĐ-CP ngày 16/4/2026 của Chính phủ về Báo cáo tài chính nhà nước;
- + Thông tư số 51/2026/TT-BTC ngày 13/5/2026 của Bộ Tài chính về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính Nhà nước;
- + Thông tư số 24/2024/TT-BTC ngày 17/4/2024 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp;

+ Thông tư số 108/2025/TT-BTC ngày 14/11/2025 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn lập báo cáo tài chính hợp nhất của đơn vị kế toán hành chính, sự nghiệp;

+ Thông tư 90/2021/TT-BTC ngày 13/10/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng cho Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách.

+ Công văn số 3256/KBNN-KTNN ngày 22/5/2026 của Kho bạc Nhà nước hướng dẫn triển khai lập Báo cáo tài chính nhà nước.

2. Chế độ kế toán, nguyên tắc kế toán được áp dụng

2.1. Nguyên tắc thực hiện hợp nhất Báo cáo tài chính nhà nước

- Báo cáo tài chính nhà nước tỉnh tổng hợp từ báo cáo cung cấp thông tin tài chính của các đơn vị thuộc khu vực nhà nước trên địa bàn tỉnh, bao gồm: các đơn vị kế toán cấp trên cao nhất, đơn vị kế toán cơ sở độc lập thuộc cấp tỉnh và cấp xã; Sở Tài chính; cơ quan thuế; Kho bạc Nhà nước khu vực XX và các cơ quan, đơn vị có liên quan theo quy định. Báo cáo phản ánh tổng thể tình hình tài chính nhà nước trên địa bàn tỉnh, bao gồm tài sản, nợ phải trả, tài sản thuần, doanh thu, chi phí và các thông tin tài chính khác có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc tỉnh Cà Mau quản lý.

Số liệu trên BCTCNN tỉnh Cà Mau được tổng hợp từ 1.101 Báo cáo cung cấp thông tin của các đơn vị; số liệu thu của Chi cục thuế doanh nghiệp lớn, Thuế tỉnh Cà Mau; số liệu vay nợ của tỉnh, số liệu vốn Nhà nước tại các doanh nghiệp tỉnh quản lý do Sở Tài chính cung cấp và một số số liệu thu, chi ngân sách khác chưa có trong các báo cáo nêu trên được tổng hợp từ hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc (TABMIS).

- Các giao dịch nội bộ sau đây được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính nhà nước tỉnh Cà Mau:

+ Bổ sung cân đối ngân sách; bổ sung có mục tiêu, thu hồi, hoàn trả kinh phí giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã.

+ Chi, tạm ứng kinh phí hoạt động; chi, tạm ứng, ứng trước kinh phí chương trình dự án, kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản,... từ nguồn ngân sách nhà nước địa phương cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức địa phương thuộc đối tượng mà Báo cáo tài chính/Báo cáo tài chính hợp nhất của các cơ quan, đơn vị, tổ chức đó được tổng hợp vào Báo cáo tài chính nhà nước tỉnh.

2.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền, tương đương tiền

Phản ánh toàn bộ giá trị tiền và các khoản tương đương tiền hiện có của Nhà nước trên phạm vi toàn tỉnh tại thời điểm kết thúc kỳ báo cáo, gồm: Tiền mặt tại

quỹ, tiền gửi không kỳ hạn tại ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư tài chính có kỳ hạn không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư.

2.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Phản ánh tổng giá trị của các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của Nhà nước trên phạm vi toàn tỉnh, có thời hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo (đã bao gồm dự phòng tổn thất đầu tư tài chính ngắn hạn, không bao gồm khoản đầu tư được phân loại là tương đương tiền).

2.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Phản ánh toàn bộ giá trị các khoản phải thu của Nhà nước trên phạm vi toàn tỉnh có thời hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo, bao gồm: Phải thu các khoản lãi cho vay; phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia từ vốn góp và các khoản đầu tư của Nhà nước; phải thu thuế, phí, lệ phí; phải thu khách hàng ngắn hạn (đã bao gồm dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi); trả trước cho người bán ngắn hạn và các khoản phải thu ngắn hạn khác (đã bao gồm dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi).

2.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản cho vay

Phản ánh tổng giá trị của các khoản cho vay của Nhà nước trên phạm vi toàn tỉnh có thời hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở xuống tại thời điểm kết thúc kỳ báo cáo.

2.6. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định

Tài sản cố định của đơn vị được ghi nhận theo nguyên giá (giá gốc) và giá trị khấu hao hoặc hao mòn lũy kế. Việc trích khấu hao hoặc hao mòn, thời gian sử dụng, tỷ lệ tuân thủ theo quy định hiện hành về quản lý tài sản cố định tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước (Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp).

TSCĐ bao gồm TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định hữu hình là những tài sản có hình thái vật chất do các đơn vị nắm giữ nhằm phục vụ cho mục đích phục vụ công cộng, duy trì hoạt động sự nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh của các đơn vị trong một thời gian dài phù hợp với tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ hữu hình.

Tài sản cố định vô hình là những tài sản không có hình thái vật chất, nhưng xác định được giá trị và do đơn vị nắm giữ, sử dụng cho hoạt động sự nghiệp, hoạt động kinh doanh phù hợp với tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ vô hình.

Các chi phí liên quan đến việc hình thành TSCĐ (mua sắm, XDCB, sửa chữa lớn) được ghi nhận là chi phí XDCB dở dang và không thực hiện trích khấu hao hoặc hao mòn TSCĐ.

2.7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chỉ tiêu này phản ánh tổng giá trị các chi phí liên quan đến việc mua sắm TSCĐ, xây dựng cơ bản và nâng cấp TSCĐ dở dang cuối kỳ chưa hoàn thành hoặc đã hoàn thành nhưng chưa bàn giao đưa vào sử dụng tại các đơn vị trong khu vực nhà nước trên phạm vi tỉnh.

Số liệu của chỉ tiêu này được tổng hợp từ chỉ tiêu “Xây dựng cơ bản dở dang” trên Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính do các Phòng Giao dịch lập và Báo cáo cung cấp thông tin tài chính của các đơn vị kế toán độc lập, kế toán cấp trên cao nhất thuộc cấp tỉnh.

2.8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản nợ

Nợ phải trả của Nhà nước là nghĩa vụ hiện tại của Nhà nước phát sinh từ các sự kiện trong quá khứ, việc thanh toán các nghĩa vụ này sẽ làm giảm nguồn lực của Nhà nước.

2.9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Phản ánh tổng các nguồn lực của Nhà nước đã thu được hoặc sẽ thu được phát sinh trong kỳ báo cáo làm tăng tài sản thuần của Nhà nước trên phạm vi toàn quốc hoặc từng địa phương.

Căn cứ ghi nhận doanh thu bao gồm:

+ Doanh thu thuế: thuế; phí, lệ phí; dầu thô và khí thiên nhiên; vốn góp và các khoản đầu tư của nhà nước: căn cứ số thu của NSNN do cơ quan thuế quản lý phát sinh trong năm theo Tờ khai của người nộp thuế, văn bản xác định nghĩa vụ thuế của cơ quan nhà nước có thẩm quyền sau khi đã tính trừ đi khoản giảm thu phát sinh trong năm báo cáo.

+ Doanh thu từ viện trợ không hoàn lại: căn cứ giá trị khoản viện trợ nhận được đã hoàn thành thủ tục thanh toán với nhà tài trợ.

+ Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ: Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận căn cứ giá trị phần dịch vụ phải cung cấp đã hoàn thành và chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ việc cung cấp dịch vụ và kết quả của việc cung cấp dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy. Doanh thu bán hàng

hóa được ghi nhận khi xác định một cách chắc chắn, chi phí liên quan được xác định, phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã chuyển giao cho người mua và không còn nắm giữ quyền quản lý và quyền kiểm soát đối với hàng hóa.

2.10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận ngay tại thời điểm phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai, không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Chi phí liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ phải tuân thủ nguyên tắc phù hợp với doanh thu (khi ghi nhận 1 khoản doanh thu thì phải ghi nhận 1 khoản chi phí tương ứng liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó).

3. Kỳ báo cáo, đơn vị tiền tệ sử dụng để báo cáo

Báo cáo tài chính nhà nước tỉnh Cà Mau được lập theo kỳ kế toán năm được tính từ ngày 01 tháng 01 đến 31 tháng 12 năm dương lịch. Đơn vị tiền tệ sử dụng để báo cáo là Việt Nam đồng (ký hiệu VND).

4. Phương pháp lập Báo cáo tài chính nhà nước

Báo cáo tình hình tài chính nhà nước, Báo cáo kết quả hoạt động tài chính nhà nước được lập theo các bước sau:

Bước 1: Tổng hợp, rà soát xác định số liệu các giao dịch nội bộ phải loại trừ, điều chỉnh theo Bảng B01/THCT - Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

Bước 2: Hợp cộng, loại trừ, điều chỉnh (nếu có) các chỉ tiêu trên Báo cáo tình hình tài chính nhà nước, Báo cáo kết quả hoạt động tài chính nhà nước được hướng dẫn tại Bảng B02/THCT – Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

Trong đó:

+ Hợp cộng: Các chỉ tiêu trên Báo cáo tình hình tài chính nhà nước, Báo cáo kết quả hoạt động tài chính nhà nước được hợp cộng từ các chỉ tiêu tương ứng trên Báo cáo cung cấp thông tin tài chính trong phạm vi lập báo cáo; riêng đối với Báo cáo tài chính nhà nước toàn quốc hợp cộng thêm các chỉ tiêu của Báo cáo tài chính nhà nước tỉnh. Nội dung hợp cộng được hướng dẫn tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.

+ Loại trừ: Loại trừ số liệu giao dịch nội bộ đã được xác định tại bước 1 của các chỉ tiêu tương ứng trên Báo cáo tình hình tài chính nhà nước, Báo cáo kết quả hoạt động tài chính nhà nước.

+ Điều chỉnh: Điều chỉnh số đầu kỳ/kỳ trước, số trong kỳ, số cuối kỳ các chỉ tiêu trên Báo cáo tình hình tài chính nhà nước, Báo cáo kết quả hoạt động tài chính nhà nước (nếu có).

Bước 3: Tổng hợp và trình bày các chỉ tiêu trên Báo cáo tình hình tài chính nhà nước, Báo cáo kết quả hoạt động tài chính nhà nước theo mẫu biểu được quy định tại Nghị định số 140/2026/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về Báo cáo tài chính nhà nước.

b) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

c) Thuyết minh Báo cáo tài chính nhà nước

- Căn cứ Báo cáo tình hình tài chính nhà nước, Báo cáo kết quả hoạt động tài chính nhà nước, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo cung cấp thông tin tài chính và tình hình kinh tế - xã hội của cả nước, của địa phương để tổng hợp thông tin trên Thuyết minh Báo cáo tài chính nhà nước.

5. Phạm vi thông tin trên Báo cáo tài chính nhà nước

1. Báo cáo tài chính nhà nước được lập trên phạm vi toàn quốc (sau đây gọi là Báo cáo tài chính nhà nước toàn quốc) và trên phạm vi tỉnh, thành phố (sau đây gọi là Báo cáo tài chính nhà nước tỉnh).

2. Báo cáo tài chính nhà nước toàn quốc phản ánh thông tin tài chính nhà nước do Nhà nước quản lý trên phạm vi toàn quốc.

3. Báo cáo tài chính nhà nước tỉnh phản ánh thông tin tài chính nhà nước do Nhà nước quản lý trên phạm vi tỉnh, thành phố.

6. Danh mục Báo cáo tài chính nhà nước

6.1. Báo cáo tình hình tài chính nhà nước

- Báo cáo tình hình tài chính nhà nước là báo cáo tài chính tổng hợp, dùng để phản ánh toàn bộ thông tin về tài sản, nguồn vốn của Nhà nước hoặc do Nhà nước kiểm soát trên phạm vi toàn tỉnh tại thời điểm kết thúc kỳ báo cáo.

- Nội dung của Báo cáo tình hình tài chính nhà nước

+ Tài sản của Nhà nước bao gồm tài sản giao cho các đối tượng quy định tại khoản 3, 4, 5, 6, 7, 8 Điều 2 Nghị định số 140/2026/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ quản lý, sử dụng và khai thác và theo quy định (đã bao gồm các khoản dự phòng tổn thất tài sản, nếu có) trình bày theo ngắn hạn và dài hạn, gồm: Tiền và các khoản tương đương tiền; đầu tư tài chính; các khoản phải thu;

hàng tồn kho; cho vay; tài sản kết cấu hạ tầng; tài sản cố định tại đơn vị; mua sắm, xây dựng dở dang; tài sản khác.

+ Tài sản của Nhà nước không bao gồm các tài sản cố định đặc thù (như: Cổ vật, hiện vật trưng bày trong bảo tàng, lăng tẩm, di tích lịch sử được xếp hạng, tài liệu cổ, tài liệu quý hiếm, thương hiệu của đơn vị sự nghiệp công lập,...); đất chưa giao quyền sử dụng; tài nguyên và các tài sản khác đang được theo dõi theo giá trị quy ước hoặc chưa xác định được giá trị.

- Nguồn vốn của Nhà nước, gồm: Nợ phải trả và tài sản thuần của Nhà nước

+ Nợ phải trả của Nhà nước là nghĩa vụ hiện tại của Nhà nước phát sinh từ các sự kiện trong quá khứ, việc thanh toán các nghĩa vụ này sẽ làm giảm nguồn lực của Nhà nước. Nợ phải trả của Nhà nước bao gồm các khoản nợ của chính quyền địa phương, nợ và các khoản phải trả khác của các đối tượng quy định tại khoản 3, 4, 5, 6, 7, 8 Điều 2 Nghị định số 140/2026/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ có nghĩa vụ phải trả (đã bao gồm các khoản dự phòng nợ phải trả, nếu có). Nợ phải trả của Nhà nước được trình bày theo ngắn hạn và dài hạn.

+ Tài sản thuần của Nhà nước phản ánh nguồn vốn thực có của Nhà nước (không bao gồm nợ phải trả của Nhà nước) tại thời điểm kết thúc kỳ báo cáo. Tài sản thuần của Nhà nước bao gồm thặng dư/thâm hụt lũy kế, các quỹ và tài sản thuần khác của Nhà nước.

6.2. Báo cáo kết quả hoạt động tài chính nhà nước

- Báo cáo kết quả hoạt động tài chính nhà nước là báo cáo tài chính tổng hợp, dùng để phản ánh tình hình doanh thu, chi phí và thặng dư/thâm hụt trong năm của Nhà nước trên phạm vi toàn tỉnh trong kỳ báo cáo.

- Nội dung Báo cáo kết quả hoạt động tài chính nhà nước

+ Doanh thu của Nhà nước Doanh thu của Nhà nước là tổng các nguồn lực Nhà nước đã thu được hoặc sẽ thu được trong kỳ báo cáo làm tăng tài sản thuần của Nhà nước. Doanh thu của Nhà nước bao gồm: Doanh thu thuế; doanh thu phí, lệ phí; doanh thu từ dầu thô và khí thiên nhiên; doanh thu từ vốn góp và các khoản đầu tư của Nhà nước; doanh thu từ viện trợ không hoàn lại; doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ và doanh thu khác phát sinh trong kỳ báo cáo của các đối tượng được quy định tại khoản 3, 5, 6, 7, 8 Điều 2 Nghị định số 140/2026/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ.

+ Chi phí của Nhà nước Chi phí của Nhà nước là những khoản làm giảm nguồn lực của Nhà nước trong kỳ báo cáo dưới hình thức luồng tiền chi ra, hoặc sử dụng các tài sản, hoặc phát sinh các khoản nợ phải trả dẫn đến giảm tài sản

thuần của Nhà nước. Chi phí của Nhà nước bao gồm: Chi phí tiền lương và chi phí khác cho con người; chi phí vật tư và dịch vụ đã sử dụng; chi phí khấu hao/hao mòn; chi phí tài chính và chi phí khác phát sinh trong kỳ báo cáo của các đối tượng được quy định tại khoản 3, 5, 6, 7, 8 Điều 2 Nghị định số 140/2026/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ.

+ Thặng dư/thâm hụt của Nhà nước Thặng dư/thâm hụt phản ánh kết quả hoạt động tài chính của Nhà nước trong kỳ báo cáo, được xác định bằng chênh lệch giữa doanh thu và chi phí của Nhà nước. Trường hợp doanh thu lớn hơn chi phí thì kết quả hoạt động tài chính của Nhà nước trong kỳ báo cáo là thặng dư, trường hợp doanh thu nhỏ hơn chi phí thì kết quả hoạt động tài chính của Nhà nước trong kỳ báo cáo là thâm hụt.

6.3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là báo cáo tài chính tổng hợp, dùng để phản ánh tình hình lưu chuyển tiền tệ, bao gồm các luồng tiền thu vào, các luồng tiền chi ra từ các hoạt động chủ yếu, hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính trong kỳ báo cáo; số dư tiền và tương đương tiền tại thời điểm kết thúc kỳ báo cáo của Nhà nước trên phạm vi toàn tỉnh.

- Nội dung Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

+ Luồng tiền từ hoạt động chủ yếu Luồng tiền từ hoạt động chủ yếu bao gồm các luồng tiền thu vào, luồng tiền chi ra trong kỳ báo cáo phát sinh từ các hoạt động mang tính thường xuyên của Nhà nước và không phải là các hoạt động đầu tư hay hoạt động tài chính.

+ Luồng tiền từ hoạt động đầu tư Luồng tiền từ hoạt động đầu tư bao gồm các luồng tiền thu vào, luồng tiền chi ra trong kỳ báo cáo phát sinh từ các hoạt động mua sắm, xây dựng, thanh lý, nhượng bán các tài sản dài hạn và các khoản đầu tư khác không thuộc các khoản tương đương tiền của Nhà nước.

+ Luồng tiền từ hoạt động tài chính Luồng tiền từ hoạt động tài chính bao gồm các luồng tiền thu vào, luồng tiền chi ra trong kỳ báo cáo phát sinh từ các hoạt động đi vay, trả nợ vay và các hoạt động tài chính khác của Nhà nước.

+ Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ phản ánh chênh lệch giữa tổng luồng tiền thu vào với tổng luồng tiền chi ra trong kỳ báo cáo phát sinh từ cả ba hoạt động là hoạt động chủ yếu, hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính của Nhà nước.

+ Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ phản ánh số dư “Tiền và các khoản tương đương tiền” của Nhà nước tại thời điểm đầu kỳ báo cáo.

+ Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá phản ánh chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư của tiền và các khoản tương đương tiền bằng ngoại tệ của Nhà nước tại thời điểm kết thúc kỳ báo cáo. g) Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ 6 Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ phản ánh số d “Tiền và các khoản tương đương tiền” của Nhà nước tại thời điểm kết thúc kỳ báo cáo.

6.4. Thuyết minh Báo cáo tài chính nhà nước

1. Thuyết minh Báo cáo tài chính nhà nước được lập để giải thích và bổ sung các thông tin về tình hình tài chính nhà nước, kết quả hoạt động tài chính nhà nước, tình hình lưu chuyển tiền tệ nhà nước trong kỳ báo cáo trên phạm vi toàn quốc hoặc phạm vi tỉnh. 2. Nội dung Thuyết minh Báo cáo tài chính nhà nước Nội dung Thuyết minh Báo cáo tài chính nhà nước bao gồm các thông tin khái quát về tình hình kinh tế, xã hội; thông tin tổng quan Báo cáo tài chính nhà nước trong kỳ báo cáo; thuyết minh các số liệu về tình hình tài chính nhà nước, kết quả hoạt động tài chính nhà nước, lưu chuyển tiền tệ nhà nước.

III. THUYẾT MINH CÁC SỐ LIỆU TRÊN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (PHỤ LỤC IV-02 ĐÍNH KÈM)./.